

Số: **67** /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **21** tháng **12** năm 2015

THÔNG TƯ

Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: QCVN 10-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2016

Điều 3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ TN&MT;
- Cổng TTĐT của Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCMT, KHCN, PC, Th (230)

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 10-MT:2015/BTNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN**

National technical regulation on marine water quality

HÀ NỘI - 2015

Lời nói đầu

QCVN 10-MT:2015/BTNMT do Tổ soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển biên soạn, sửa đổi QCVN 10:2008/BTNMT; Tổng cục Môi trường, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 67 ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN

National technical regulation on marine water quality

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi áp dụng

1.1.1. Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn các thông số chất lượng nước biển.

1.1.2. Quy chuẩn này áp dụng để đánh giá và kiểm soát chất lượng nước biển của các vùng biển, phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác.

1.2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.2.1. Vùng biển ven bờ là vùng vịnh, cảng và những nơi cách bờ trong vòng 03 hải lý (khoảng 5,5 km).

1.2.2. Vùng biển gần bờ là vùng biển tính từ đường cách bờ biển trên 03 hải lý (khoảng 5,5 km) đến 24 hải lý (khoảng 44 km).

1.2.3. Vùng biển xa bờ là vùng biển tính từ đường cách bờ biển trên 24 hải lý (khoảng 44 km) đến giới hạn ngoài của vùng biển Việt Nam.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Chất lượng nước biển vùng biển ven bờ:

Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn		
			Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước	Các nơi khác
1	pH		6,5 - 8,5	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5

2	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	≥ 5	≥ 4	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	50	-
4	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	0,1	0,5	0,5
5	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/l	0,2	0,3	0,5
6	Florua (F^-)	mg/l	1,5	1,5	1,5
7	Xyanua (CN^-)	mg/l	0,01	0,01	0,01
8	Asen (As)	mg/l	0,02	0,04	0,05
9	Cadimi (Cd)	mg/l	0,005	0,005	0,01
10	Chì (Pb)	mg/l	0,05	0,05	0,1
11	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	0,02	0,05	0,05
12	Tổng Crom	mg/l	0,1	0,2	0,5
13	Đồng (Cu)	mg/l	0,2	0,5	1
14	Kẽm (Zn)	mg/l	0,5	1,0	2,0
15	Mangan (Mn)	mg/l	0,5	0,5	0,5
16	Sắt (Fe)	mg/l	0,5	0,5	0,5
17	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,001	0,002	0,005
18	Aldrin	$\mu\text{g/l}$	0,1	0,1	0,1
19	Benzene hexachloride (BHC)	$\mu\text{g/l}$	0,02	0,02	0,02
20	Dieldrin	$\mu\text{g/l}$	0,1	0,1	0,1
21	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)	$\mu\text{g/l}$	1,0	1,0	1,0
22	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	$\mu\text{g/l}$	0,2	0,2	0,2
23	Tổng Phenol	mg/l	0,03	0,03	0,03
24	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,5	0,5	0,5
25	Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	1000	1000	1000

Ghi chú: Dấu (-) là không quy định.